

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

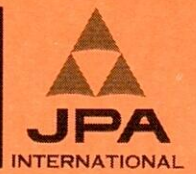
Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 09 tháng 04 năm 2018 của UBND tỉnh Gia Lai từ Công ty TNHH Một thành viên Chè Biển Hồ. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900188843 ngày 13 tháng 09 năm 2018 (được điều chỉnh lần thứ 3 của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900188843 cấp ngày 07 tháng 12 năm 2012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 681/QĐ-SGDHN ngày 23 tháng 10 năm 2018.

Mã chứng khoán là BHG

Vốn điều lệ: 89.356.430.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2022: 89.356.430.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (84) 0269 3845 571
- Fax : (84) 0269 3842 106

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê;
- Trồng cây cà phê;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh vật tư nông nghiệp, mua bán thuốc bảo vệ thực vật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu, xây dựng, tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng nông sản (trừ mùn cao su)...

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm bao gồm:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch	11/09/2018	
Ông Trịnh Đình Trường	Thành viên	11/09/2018	
Ông Phạm Văn Cường	Thành viên	11/09/2018	
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	11/09/2018	28/4/2022
Ông Trịnh Văn Công	Thành viên	13/04/2019	
Ông Trịnh Quang Vinh	Thành viên	20/05/2020	

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Đông Hưng	Trưởng ban	26/04/2021	
Bà Lê Thị Vinh	Thành viên	14/09/2018	
Bà Nguyễn Thị Trà Giang	Thành viên	20/05/2020	

4.3. Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Đình Trường	Tổng Giám đốc	14/09/2018	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	Kế toán trưởng	16/08/2019	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch	11/09/2018
Ông Trịnh Đình Trường	Tổng Giám đốc	14/09/2018

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 38.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Theo Giấy uỷ quyền số 04/UQ-BHG ngày 24/03/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ông Trịnh Đình Trường được uỷ quyền phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Gia Lai, ngày 27 tháng 03 năm 2023



Số: 24/2023/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày ở thuyết minh số V.4 “Phải thu về cho vay”, trong năm Công ty có thực hiện cấp tín dụng (cho vay tiền) với Công ty Cổ phần Cà Phê Gia Lai (chung nhà đầu tư) là chưa phù hợp với các quy định hiện hành.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES



Trần Xuân Thạnh - Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNDKHN số: 1650-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 3402-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		90.148.293.558	96.796.109.940
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	2.199.789.806	1.211.073.516
111	1. Tiền		2.199.789.806	1.211.073.516
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		67.445.901.416	63.760.130.492
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2a	36.378.055.768	17.551.200.035
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	152.777.600	20.206.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4a	16.052.188.000	16.576.900.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	14.875.435.553	9.438.585.962
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(12.555.505)	(12.555.505)
140	IV. Hàng tồn kho		20.276.355.233	31.571.288.081
141	1. Hàng tồn kho	V.6	20.276.355.233	31.571.288.081
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		226.247.103	253.617.851
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	96.502.397	82.038.132
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	129.744.706	171.579.719
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		74.887.443.794	66.594.643.062
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		26.222.420.347	12.516.420.347
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.2b	-	12.500.000.000
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	V.4b	26.206.000.000	-
216	3. Phải thu dài hạn khác	V.5b	16.420.347	16.420.347
220	II. Tài sản cố định		45.147.573.637	51.144.317.327
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	45.147.573.637	51.129.612.327
222	- Nguyên giá		147.645.368.012	148.369.703.579
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(102.497.794.375)	(97.240.091.252)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	-	14.705.000
228	- Nguyên giá		66.172.500	66.172.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(66.172.500)	(51.467.500)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.146.877.212	-
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	1.146.877.212	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.370.572.598	2.933.905.388
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	2.370.572.598	2.933.905.388
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		165.035.737.352	163.390.753.002



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		71.948.320.478	70.844.133.859
310	I. Nợ ngắn hạn		69.716.252.254	68.750.379.260
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	4.182.617.830	1.204.155.800
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	400.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	1.448.164.389	139.062.936
314	4. Phải trả người lao động	V.14	943.520.423	383.884.474
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	-	189.539.280
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16a	1.969.590.117	4.283.788.374
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17a	59.964.811.446	61.742.400.347
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		807.548.049	807.548.049
330	II. Nợ dài hạn		2.232.068.224	2.093.754.599
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.16b	1.442.671.834	1.304.358.209
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.17b	789.396.390	789.396.390
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		93.087.416.874	92.546.619.143
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	93.087.416.874	92.546.619.143
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		89.356.430.000	89.356.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		89.356.430.000	89.356.430.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.730.986.874	3.190.189.143
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		3.190.189.143	3.023.306.717
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		540.797.731	166.882.426
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		165.035.737.352	163.390.753.002

Người lập biểu

PHAN THANH THƯ

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG

Gia Lai, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc

TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HÒ

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài kết thúc ngày 31/12/2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	93.376.805.627	60.708.694.044
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		93.376.805.627	60.708.694.044
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	82.070.103.077	52.769.831.756
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.306.702.550	7.938.862.288
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	6.714.527.576	5.359.730.811
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	5.139.444.360	4.072.756.746
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.705.687.573	3.975.843.888
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	7.185.867.611	3.980.962.116
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	5.006.245.842	4.786.771.436
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		689.672.313	458.102.801
31	11. Thu nhập khác	VI.7	43.227.273	2.980.001
32	12. Chi phí khác	VI.8	192.101.855	170.722.553
40	13. Lợi nhuận khác		(148.874.582)	(167.742.552)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		540.797.731	290.360.249
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.11	-	123.477.823
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		540.797.731	166.882.426
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	61	19
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	61	19

Người lập biểu

PHAN THANH THU

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG

Gia Lai, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc

TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HÒ

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài kết thúc ngày 31/12/2022

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		82.008.715.523	49.030.482.997
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(46.802.698.994)	(55.410.448.496)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(11.013.320.155)	(9.004.719.311)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(4.703.020.906)	(3.962.446.055)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.13	-	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		33.338.438.729	17.100.647.534
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.458.903.788)	(12.794.476.376)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		29.369.210.409	(15.040.959.707)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.660.958.602)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(33.006.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.324.712.000	323.100.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		739.154.170	530.657.408
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(26.603.092.432)	853.757.408
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	VII.1	107.924.658.430	86.529.622.591
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(109.702.247.331)	(74.769.191.407)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(549.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.777.588.901)	11.211.431.184
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)		988.529.076	(2.975.771.115)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.211.073.516	4.186.997.426
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		187.214	(152.795)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	V.1	2.199.789.806	1.211.073.516

Người lập biểu

PHAN THANH THƯ

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG

Gia Lai, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc

TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 09 tháng 04 năm 2018 của UBND tỉnh Gia lai từ Công ty TNHH Một thành viên Chè Biển Hồ. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900188843 ngày 13 tháng 09 năm 2018 (được điều chỉnh lần thứ 3 của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900188843 cấp ngày 07 tháng 12 năm 2012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 681/QĐ-SGDHN ngày 23 tháng 10 năm 2018.

Mã chứng khoán là BHG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và sản xuất nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê;
- Trồng cây cà phê;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh vật tư nông nghiệp, mua bán thuốc bảo vệ thực vật;...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do kinh tế phục hồi sau đại dịch và các tháng cuối năm 2022, giá cà phê đạt mức cao nhất trong nhiều năm qua. Giá cà phê tăng mạnh do nguồn cung cà phê trên thị trường quốc tế đang khan hiếm. Do đó, doanh thu năm nay tăng 54% và lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay tăng 86% so với năm trước.

Tuy nhiên đa số khách hàng của Công ty ở Quốc gia/ khu vực bị ảnh hưởng bởi các lệnh cấm vận về kinh tế. Điều này đã gây ra khó khăn trong việc thanh toán quốc tế. Do đó, thời gian thu tiền bán chè xuất khẩu của Công ty dài hơn so với các năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 63 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 64 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HÒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh sau khi cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 10 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Kỳ này</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 – 5
Vườn cây lâu năm	20

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HÒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán chè, cà phê

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	2.056.765.351	973.888.131
Tiền gửi ngân hàng	143.024.455	237.185.385
+ VND	130.051.111	226.539.658
+ USD	554,24 # 12.973.344	470,01 # 10.645.727
Cộng	2.199.789.806	1.211.073.516

2. Phải thu khách hàng**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	14.584.240.900	-
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Legend Highland	14.584.240.900	-
Phải thu các khách hàng khác	21.793.814.868	17.551.200.035
- Fahim Bahar Ltd Jalalabad Afganistan (Nacem)	8.949.894.423	1.414.520.813
- Sarfaraz Kouchi Co, Ltd	3.799.355.213	1.957.730.100
- Shahdil Corporation	3.779.745.826	477.747.390
- Các hộ mua phân bón	3.349.989.703	4.707.389.951
- Công ty TNHH Chế biến trà Trân Nam Việt	797.090.424	3.760.430.850
- Lã Minh Tuấn	-	5.037.915.000
- Các đối tượng khác	1.117.739.279	195.465.931
Cộng	36.378.055.768	17.551.200.035

3128
CHI
NG
TOÁN
UAI
TA
Ả N
IU-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HÒ
 Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	-	12.500.000.000
- Công ty CP Cà phê Gia Lai	-	12.500.000.000
Phải thu các khách hàng khác	-	-
Cộng	-	12.500.000.000

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	20.206.000.000
- Công ty CP Cà phê Gia Lai	-	20.206.000.000
Trả trước cho người bán khác	152.777.600	-
- Công ty Cổ phần Trung Đông	150.897.600	-
- Công ty TNHH Thu Phí Tự Động Vetc	1.880.000	-
Cộng	152.777.600	20.206.000.000

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

a. Ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu cho vay với các bên liên quan	16.052.188.000	16.576.900.000
- Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai	16.052.188.000	16.576.900.000
Phải thu cho vay với các đối tượng và cá nhân khác	-	-
Cộng	16.052.188.000	16.576.900.000

Là khoản cho Công ty CP Cà phê Gia Lai vay theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 03/03/2020 và phụ lục hợp đồng số 01.2/PLHĐVV/2022-BHG/FGL ngày 03/04/2022. Số tiền vay: 1.400.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 30/06/2023, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 28/05/2020 và phụ lục hợp đồng số 02.2/PLHĐVV/2022-BHG/FGL ngày 28/04/2022. Số tiền vay: 700.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 30/06/2023, lãi suất vay 10,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Hợp đồng vay vốn số 03/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/06/2020 và phụ lục hợp đồng số 03.2/PLHĐVV/2022-BHG/FGL ngày 26/04/2022. Số tiền vay: 300.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 30/06/2023, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Hợp đồng vay vốn số 04/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/10/2020, phụ lục hợp đồng số 04.1/PLHĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/10/2021 và 04.2/PLHĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/10/2022. Số tiền vay: 900.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 27/10/2023, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Hợp đồng vay vốn số 05/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 16/12/2020, phụ lục hợp đồng số 05.1/PLHĐVV/2020-BHG/FGL ngày 16/12/2021 và 05.2/PLHĐVV/2020-BHG/FGL ngày 16/12/2022. Số tiền vay: 13.600.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 17/12/2023, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/2022-BHG/FGL ngày 29/07/2022. Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng, đã giải ngân 300.000.000 đồng tại ngày 29/07/2022, thời hạn vay đến ngày 29/06/2023, lãi suất vay 7%/năm.

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu cho vay với các bên liên quan	26.206.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai	26.206.000.000	-
Phải thu cho vay với các đối tượng và cá nhân khác	-	-
Cộng	<u>26.206.000.000</u>	<u>-</u>

Là khoản cho Công ty CP Cà phê Gia Lai vay theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/2019-FGL/BHG ngày 25/03/2019 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2022-BHG/FGL ngày 01/07/2022. Số tiền vay: 12.500.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày ký, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/2018-FGL/BHG ngày 11/10/2018 và phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ/2022-BHG/FGL ngày 01/07/2022. Số tiền vay: 20.206.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày ký, lãi suất vay 10,5%/năm.

(*) Tất cả các khoản cho Công ty CP Cà phê Gia Lai vay ngắn hạn và dài hạn đều không có tài sản thế chấp hoặc bảo lãnh của bên thứ ba. Tuy nhiên, Công ty CP Cà phê Gia Lai sử dụng các tài sản hiện có là các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay nợ của Công ty CP Chè Biển Hồ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu khác****a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	14.286.325.233	-	9.121.596.733	-
- Công ty CP Cà phê Gia Lai				
Tiền lãi cho vay, lãi nhận tiền ứng trước	14.286.325.233	-	9.078.475.133	-
- Ông Trịnh Đình Trường				
Các khoản khác	-	-	43.121.600	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	589.110.320	-	316.989.229	-
Phải thu các hộ trồng chè, trồng cà phê	578.765.080	-	311.989.229	-
Tạm ứng CBCNV	10.000.000	-	5.000.000	-
Phải thu khác	345.240	-	-	-
Cộng	14.875.435.553	-	9.438.585.962	-

b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các hộ trồng chè, cà phê	16.420.347	-	16.420.347	-
Cộng	16.420.347	-	16.420.347	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	182.594.392	-	225.359.795	-
Công cụ, dụng cụ	455.449.940	-	790.128.714	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	10.464.814.492	-
Thành phẩm (*)	19.079.388.801	-	20.090.308.906	-
Hàng gửi đi bán	558.922.100	-	676.174	-
Cộng	20.276.355.233	-	31.571.288.081	-

- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- Không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- (*) là giá trị chè đã qua chế biến tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước****a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	82.181.145	80.813.134
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.321.252	1.224.998
Cộng	<u>96.502.397</u>	<u>82.038.132</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	82.038.132	55.329.162
Tăng trong năm	171.126.399	161.326.564
Phân bổ trong năm	(156.662.134)	(134.617.594)
Số dư cuối năm	<u>96.502.397</u>	<u>82.038.132</u>

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi thế kinh doanh	2.179.369.876	2.558.390.716
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	96.095.842	45.596.452
Hệ thống Quản lý chất lượng ISO	48.611.111	-
Chi phí sửa chữa TSCĐ	37.880.649	314.841.772
Nhà để xe	8.615.120	15.076.448
Cộng	<u>2.370.572.598</u>	<u>2.933.905.388</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số dư đầu năm	2.933.905.388	4.004.101.140
Tăng trong năm	211.370.027	68.136.728
Phân bổ trong năm	(774.702.817)	(1.138.332.480)
Số dư cuối năm	<u>2.370.572.598</u>	<u>2.933.905.388</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	42.052.664.534	7.071.326.815	1.461.110.574	68.497.454	97.716.104.202	148.369.703.579
Mua sắm trong năm	-	-	454.545.454	-	-	454.545.454
Đ/tư XDCB h/thành	90.710.424	-	-	-	-	90.710.424
T/lý, nhượng bán	(37.797.024)	-	(601.072.000)	-	-	(638.869.024)
Giảm do phá dỡ TSCĐ	-	-	-	-	(630.722.421)	(630.722.421)
Số cuối năm	42.105.577.934	7.071.326.815	1.314.584.028	68.497.454	97.085.381.781	147.645.368.012
<i>Trong đó:</i>						
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	743.242.721	2.281.164.508	744.021.000	68.497.454	2.231.329.319	6.068.255.002
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	31.818.843.412	5.292.738.515	1.163.625.299	68.497.454	58.896.386.572	97.240.091.252
Khấu hao trong năm	1.079.179.861	634.563.723	91.249.096	-	4.701.306.864	6.506.299.544
T/lý, nhượng bán	(34.672.464)	-	(601.072.000)	-	-	(635.744.464)
Giảm do phá dỡ TSCĐ	-	-	-	-	(612.851.957)	(612.851.957)
Số cuối năm	32.863.350.809	5.927.302.238	653.802.395	68.497.454	62.984.841.479	102.497.794.375
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	10.233.821.122	1.778.588.300	297.485.275	-	38.819.717.630	51.129.612.327
Số cuối năm	9.242.227.125	1.144.024.577	660.781.633	-	34.100.540.302	45.147.573.637

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 17.830.359.603 đồng đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh tỉnh Gia Lai (Xem tại Thuyết minh số V.17).

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	66.172.500	66.172.500
Tăng trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	66.172.500	66.172.500
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	51.467.500	51.467.500
Khấu hao trong năm	14.705.000	14.705.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	66.172.500	66.172.500
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	14.705.000	14.705.000
Số cuối năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	-	1.146.877.212	-	-	1.146.877.212
- Chi phí đầu tư cà phê tái canh	-	1.146.877.212	-	-	1.146.877.212
Cộng	-	1.146.877.212	-	-	1.146.877.212

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	150.880.000	-
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Legend Highland	150.880.000	-
Phải trả các người bán khác	4.031.737.830	1.204.155.800
- Các hộ bán chè xanh	1.869.147.400	-
- Công Ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Indigo	914.121.410	-
- Các hộ bán cà phê	745.606.100	356.182.100
- Huỳnh Thị Mừng	254.510.500	143.937.500
- Công ty TNHH Xây dựng cơ điện Quốc Thanh	-	300.000.000
- Nguyễn Văn Bình	-	241.616.200
- Các đối tượng khác	248.352.420	162.420.000
Cộng	4.182.617.830	1.204.155.800

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	400.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Sơn Huyền Phát Gia Lai	400.000.000	-
- Các đối tượng khác	-	-
Cộng	400.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***13. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT phải nộp	139.062.936	-	281.631.218	349.033.635	71.660.519	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	91.545.536	-	-	-	91.545.536
Thuế thu nhập cá nhân	-	32.390.737	93.870.000	70.034.987	-	8.555.724
Thuế nhà đất	-	29.511.936	-	-	-	29.511.936
Tiền thuê đất	-	18.000.000	2.901.683.246	1.507.179.376	1.376.503.870	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	131.510	10.000.000	10.000.000	-	131.510
Cộng	139.062.936	171.579.719	3.287.184.464	1.936.247.998	1.448.164.389	129.744.706

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các mặt hàng nông sản Công ty tự sản xuất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Các mặt hàng khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với thu nhập từ trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chế biến nông sản (bao gồm cả trường hợp hợp tác xã, doanh nghiệp mua bán sản phẩm nông sản, thủy sản về chế biến) được miễn thuế. Ưu đãi miễn thuế TNDN đối với hoạt động nêu trên được quy định tại điểm 1 điều 8 VBHN số 26 ngày 14/09/2015 của Bộ Tài chính.
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Các loại thuế khác

- Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	540.797.731	290.360.249
- Hoạt động kinh doanh chính được ưu đãi thuế	4.134.372.491	3.187.635.119
- Hoạt động kinh doanh chính không được ưu đãi thuế	(4.686.016.875)	(4.028.087.458)
- Hoạt động kinh doanh khác	1.092.442.115	1.130.812.588
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	639.234.596	498.557.958
- Các khoản điều chỉnh tăng	639.234.596	498.557.958
+ Chi phí không hợp lý	253.126.972	486.001.678
+ Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	386.107.624	12.556.280
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.180.032.327	788.918.207
- Hoạt động kinh doanh chính được ưu đãi thuế	4.649.010.177	3.411.452.140
- Hoạt động kinh doanh chính không được ưu đãi thuế	(4.582.461.789)	(3.898.414.199)
- Hoạt động kinh doanh khác	1.113.483.939	1.275.880.266
Thu nhập được miễn thuế	4.649.010.177	3.411.452.140
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	-	788.918.207
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong kỳ	-	157.783.641
Thuế TNDN được giảm 30% theo NĐ 92/2021/NĐ-CP	-	47.335.092
Chi phí thuế TNDN truy thu kỳ trước	-	13.029.274
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	123.477.823

14. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả người lao động	943.520.423	383.884.474
Cộng	943.520.423	383.884.474

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí vận chuyển hàng hóa xuất khẩu	-	189.539.280
Cộng	-	189.539.280

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Phải trả khác****a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	1.969.590.117	4.283.788.374
Kinh phí công đoàn	-	-
Quỹ khen thưởng (*)	1.088.088.381	1.088.088.381
Lãi vay phải trả (**)	571.032.489	568.365.822
Các khoản phải trả khác	310.469.247	2.627.334.171
- Phải trả người dân về tiền chăm sóc cà phê theo các hợp đồng trồng cà phê liên kết	-	2.386.020.299
- Phải trả người dân về tiền thuê đất được giảm	310.469.247	233.288.677
- Hỗ trợ người lao động trích từ 0,5% BHTNLD, BNN giữ	-	8.025.195
Cộng	<u>1.969.590.117</u>	<u>4.283.788.374</u>

(*) Theo quy định tại khoản 3 điều 8 Thông tư 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài Chính:

“Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi phát sinh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện quản lý và chi theo đúng quy định. Số dư còn lại (nếu có) công ty cổ phần mới kế thừa và tiếp tục sử dụng.”

(**) Trong đó gồm 568.365.822 đồng là chi phí lãi vay phải trả Liên Hiệp Chè Việt Nam theo chương trình hợp tác đầu tư Liên Xô – Ba Lan từ giai đoạn Nhà nước. Theo Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 thì số tiền nợ phải trả (cả gốc và lãi vay) nếu được xóa nợ phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	1.442.671.834	1.304.358.209
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	1.322.881.834	1.304.358.209
Các hộ nhận khoán cà phê	119.790.000	-
Cộng	<u>1.442.671.834</u>	<u>1.304.358.209</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính****a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn của các cá nhân	-	-	2.520.000.000	2.520.000.000
- Ông Phùng Ngọc Kim	-	-	900.000.000	900.000.000
- Bà Lê Văn Anh	-	-	820.000.000	820.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	-	-	500.000.000	500.000.000
- Ông Nguyễn Quang Cường	-	-	300.000.000	300.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	59.964.811.446	59.964.811.446	59.222.400.347	59.222.400.347
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lai	59.964.811.446	59.964.811.446	59.222.400.347	59.222.400.347
Cộng	59.964.811.446	59.964.811.446	61.742.400.347	61.742.400.347

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh tỉnh Gia Lai theo hợp đồng tín dụng Số 03/HĐTD-BH ngày 22 tháng 10 năm 2021. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh niên vụ 2021-2022; thời hạn vay và lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay hiện tại đối với khoản giải ngân có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 9 tháng là 5%/năm, đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 9 tháng đến dưới 12 tháng là 6%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Biện pháp đảm bảo tiền vay (Xem thuyết minh số V.8):

- + Thế chấp tài sản vườn cây chè tại xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 03/HĐTC-BH ngày 22/10/2021;
- + Thế chấp tài sản trụ sở công ty và nhà máy chế biến tại xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 04/HĐTC-BH ngày 22/10/2021.
- + Thế chấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty CP Cà phê Gia Lai gồm:

TT	Tài sản	Địa chỉ	Mục đích
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517854	Tổ dân phố 2, Phường Thống Nhất, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Đất thương mại dịch vụ
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517909	Xã IaYok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517851	Xã IaYok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517834	Xã Ia Bă, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517905	Xã Ia Bă, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517906	Xã Ia Grăng, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
7	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517901	Xã Ia Pal, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
8	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517902	Xã Ia Pal, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
9	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517817	Xã Ia Pal, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	789.396.390	789.396.390	789.396.390	789.396.390
- Liên hiệp Chè Việt Nam	789.396.390	789.396.390	789.396.390	789.396.390
Cộng	789.396.390	789.396.390	789.396.390	789.396.390

Khoản vay dài hạn theo chương trình hợp tác đầu tư Liên Xô - Ba Lan giữa Tổng công ty Chè Việt Nam và Công ty TNHH MTV Chè Biên Hồ theo hợp đồng số 25 ND 24 CVN-BH ngày 01 tháng 04 năm 1989.

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch TG hối đoái	Lợi nhuận ST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	89.356.430.000	-	3.654.242.932	93.010.672.932
Lợi nhuận trong năm	-	-	166.882.426	166.882.426
Tăng trong năm	-	18.889.456	-	18.889.456
Giảm trong năm	-	(18.889.456)	(630.936.215)	(649.825.671)
Số dư tại 31/12/2021	89.356.430.000	-	3.190.189.143	92.546.619.143
Số dư tại 01/01/2022	89.356.430.000	-	3.190.189.143	92.546.619.143
Lợi nhuận trong năm	-	-	540.797.731	540.797.731
Tăng trong năm	-	386.107.624	-	386.107.624
Giảm trong năm	-	(386.107.624)	-	(386.107.624)
Số dư tại 31/12/2022	89.356.430.000	-	3.730.986.874	93.087.416.874

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp (%)	31/12/2022	Tỷ lệ vốn góp (%)	01/01/2022
- Cổ đông Nhà nước	0,00%	-	0,00%	-
- Cổ đông khác	100,00%	89.356.430.000	100,00%	89.356.430.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Legend Highland	24,00%	21.450.000.000	24,00%	21.450.000.000
+ Công ty Cổ phần Năng lượng Nghĩa Hưng	23,50%	21.000.000.000	23,50%	21.000.000.000
+ Trịnh Quang Hưng	13,85%	12.373.980.000	13,85%	12.373.980.000
+ Trịnh Đình Trường	15,47%	13.819.320.000	15,47%	13.819.320.000
+ Trịnh Quang Vinh	8,01%	7.153.420.000	8,01%	7.153.420.000
+ Lê Thị Thanh Tình	6,71%	6.000.000.000	6,71%	6.000.000.000
+ Các cổ đông khác	8,46%	7.559.710.000	8,46%	7.559.710.000
Cộng	100%	89.356.430.000	100%	89.356.430.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	89.356.430.000	89.356.430.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	89.356.430.000	89.356.430.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	549.000.000

d. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.935.643	8.935.643
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.935.643	8.935.643
- Cổ phiếu thường	8.935.643	8.935.643
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.935.643	8.935.643
- Cổ phiếu thường	8.935.643	8.935.643
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HÒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chu Pảh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	3.190.189.143	3.654.242.932
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm này	540.797.731	166.882.426
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	630.936.215
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	81.936.215
- Chia cổ tức cho các cổ đông	-	549.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.730.986.874	3.190.189.143

19. Khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**Ngoại tệ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dolla Mỹ (USD)	554,24	470,01

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu với các bên liên quan	16.207.240.900	-
Doanh thu bán thành phẩm cà phê	16.207.240.900	-
Doanh thu khác	-	-
Doanh thu với các đối tượng khác	77.169.564.727	60.708.694.044
Doanh thu bán vật tư nông nghiệp	5.374.130.461	6.395.013.932
Doanh thu bán thành phẩm chè, cà phê, chuối	70.475.093.161	52.726.180.857
Doanh thu cung cấp dịch vụ tưới tiêu	515.448.442	775.128.341
Doanh thu cho thuê đất	687.272.727	687.272.727
Doanh thu khác	117.619.936	125.098.187
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	93.376.805.627	60.708.694.044

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn vật tư nông nghiệp	4.843.579.812	5.198.598.424
Giá vốn thành phẩm chè, cà phê, chuối	76.451.549.337	46.460.967.305
Giá vốn dịch vụ tươi tiêu	611.959.537	961.101.194
Giá vốn cho thuê đất	45.424.500	45.424.500
Giá vốn hoạt động khác	117.589.891	120.552.733
Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK	-	(16.812.400)
Cộng	<u>82.070.103.077</u>	<u>52.769.831.756</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.947.004.270	5.286.955.308
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	767.523.306	72.775.503
Cộng	<u>6.714.527.576</u>	<u>5.359.730.811</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.705.687.573	3.975.843.888
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	47.649.163	84.356.578
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ	386.107.624	12.556.280
Cộng	<u>5.139.444.360</u>	<u>4.072.756.746</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	742.651.515	419.126.441
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.443.216.096	3.561.835.675
Cộng	<u>7.185.867.611</u>	<u>3.980.962.116</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	195.572.752	206.462.980
Chi phí nhân viên quản lý	3.271.991.171	3.013.323.756
Chi phí khấu hao tài sản cố định	213.024.067	197.137.896
Thuế, phí và lệ phí	129.885.376	93.135.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	308.726.249	262.614.754
Chi phí bằng tiền khác	887.046.227	1.014.096.850
Cộng	<u>5.006.245.842</u>	<u>4.786.771.436</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền hỗ trợ	20.000.000	-
Thu từ thanh lý TSCĐ	22.727.273	-
Các khoản thu nhập khác	500.000	2.980.001
Cộng	<u>43.227.273</u>	<u>2.980.001</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền bồi thường cho khách hàng	171.060.031	-
GTCL của vườn cây bị phá dỡ	20.995.024	25.654.875
Tiền phạt vi phạm hành chính	-	109.366.464
Chi phí hàng tồn kho bị hư hỏng	-	15.678.671
Các khoản khác	46.800	20.022.543
Cộng	<u>192.101.855</u>	<u>170.722.553</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	540.797.731	166.882.426
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	540.797.731	166.882.426
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	8.935.643	8.935.643
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	<u>61</u>	<u>19</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	540.797.731	166.882.426
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	540.797.731	166.882.426
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.935.643	8.935.643
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	61	19

11. Cổ phiếu lưu hành bình quân

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.935.643	8.935.643
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.935.643	8.935.643

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.372.781.171	33.054.439.297
Chi phí nhân công	11.559.082.099	13.469.929.136
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.489.830.056	6.691.803.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.285.384.893	4.874.965.734
Chi phí khác bằng tiền	3.308.320.783	4.911.400.542
Cộng	65.015.399.002	63.002.538.176

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền thu từ đi vay**

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	107.924.658.430	86.529.622.591
Cộng	107.924.658.430	86.529.622.591

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HÒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***2. Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm nay	Năm trước
Tiền chi các khoản đi vay theo khế ước thông thường	(109.702.247.331)	(74.769.191.407)
Cộng	(109.702.247.331)	(74.769.191.407)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2022			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT		60.000.000	-	60.000.000
2	Trịnh Đình Trường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	671.880.000	36.000.000	-	707.880.000
3	Phạm Văn Cường	Thành viên HĐQT		36.000.000	-	36.000.000
4	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT		12.000.000	-	12.000.000
5	Trịnh Văn Công	Thành viên HĐQT		36.000.000	-	36.000.000
6	Trịnh Quang Vinh	Thành viên HĐQT		36.000.000	-	36.000.000
7	Trần Đông Hưng	Trưởng Ban kiểm soát		36.000.000	-	36.000.000
8	Lê Thị Vinh	Thành viên BKS		24.000.000	-	24.000.000
9	Nguyễn Thị Trà Giang	Thành viên BKS	90.000.000	24.000.000	-	114.000.000
10	Nguyễn Thị Thanh Tùng	Kế toán trưởng	168.000.000	-	-	168.000.000
	Tổng cộng		929.880.000	300.000.000	-	1.229.880.000

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2021			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	76.024.916	136.024.916
2	Trịnh Đình Trường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	619.440.000	36.000.000	84.904.989	740.344.989
3	Phạm Văn Cường	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
4	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
5	Trịnh Văn Công	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
6	Trịnh Quang Vinh	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	43.950.140	79.950.140
7	Trần Đông Hưng	Trưởng Ban kiểm soát	-	24.000.000	-	24.000.000
8	Lê Thị Vinh	Thành viên BKS	-	24.000.000	-	24.000.000
9	Nguyễn Thị Trà Giang	Thành viên BKS	92.160.000	24.000.000	-	116.160.000
10	Nguyễn Thị Thanh Tùng	Kế toán trưởng	154.296.000	-	-	154.296.000
	Tổng cộng		865.896.000	312.000.000	204.880.045	1.382.776.045

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: công ty con, các công ty mà Công ty đang đầu tư vốn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Legend Highland	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai	Cùng Công ty đầu tư
Ông Trịnh Đình Trường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Cường	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	Kế toán trưởng

Giao dịch với các bên liên quan khác:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai		
- Mua cà phê thành phẩm	6.524.712.000	-
- Mua tài sản thanh lý	454.545.454	-
- Mua hàng, dịch vụ khác	5.454.544	5.454.544
- Cho vay	33.006.000.000	-
- Thu hồi khoản cho vay	7.324.712.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Legend Highland		
- Bán cà phê thành phẩm	16.207.240.900	-
- Mua cà phê thành phẩm	5.899.399.500	-
Các thành viên quản lý chủ chốt		
- Vay ngắn hạn	18.985.000.000	4.685.000.000
+ Ông Phạm Văn Cường	7.600.000.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	11.385.000.000	1.600.000.000
+ Ông Trịnh Đình Trường	-	3.085.000.000
- Trả gốc vay ngắn hạn	19.485.000.000	11.819.800.000
+ Ông Phạm Văn Cường	7.600.000.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	11.885.000.000	2.449.800.000
+ Ông Trịnh Đình Trường	-	9.370.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai		
Phải thu khách hàng	-	12.500.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	20.206.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	16.052.188.000	16.576.900.000
Phải thu về cho vay dài hạn	26.206.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	14.286.325.233	9.078.475.133
Công ty Cổ phần Đầu tư Legend Highland		
Phải thu khách hàng	14.584.240.900	-
Phải trả người bán ngắn hạn	150.880.000	-
Các thành viên quản lý chủ chốt		
- Vay ngắn hạn		
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	-	500.000.000

2. Báo cáo bộ phận*- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

	Chè, cà phê, chuối	Vật tư nông nghiệp	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	86.682.334.061	5.374.130.461	1.320.341.105	-	93.376.805.627
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.682.334.061	5.374.130.461	1.320.341.105	-	93.376.805.627
Giá vốn bộ phận	76.451.549.337	4.843.579.812	774.973.928	-	82.070.103.077
Lợi nhuận gộp bộ phận	10.230.784.724	530.550.649	545.367.177	-	11.306.702.550
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	52.726.180.857	6.395.013.932	1.587.499.255	-	60.708.694.044
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.726.180.857	6.395.013.932	1.587.499.255	-	60.708.694.044
Giá vốn bộ phận	46.444.154.905	5.198.598.424	1.127.078.427	-	52.769.831.756
Lợi nhuận gộp bộ phận	6.282.025.952	1.196.415.508	460.420.828	-	7.938.862.288

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh do trình bày lại số liệu

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Gia Lai, ngày 27 tháng 03 năm 2023

PHAN THANH THU

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG

Kế toán trưởng



TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG

Tổng Giám đốc



